

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 08/01/2024 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông báo số 426/TB-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 17/4/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Luật kinh tế thuộc ngành Luật kinh tế (mã số 7380107).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024 (Khóa 21) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để th);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	LUẬT KINH TẾ
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	ECONOMIC LAW
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Ngành đào tạo	LUẬT KINH TẾ
5	Mã ngành	7380107
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7	Thời gian đào tạo chuẩn	4 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	127
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Quản lý - Luật Kinh tế
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Ghi chú: Tiếng Việt
11	Website	https://tueba.edu.vn/ http://qllkt.tueba.edu.vn/
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng việt: Cử nhân Luật Kinh tế Tiếng Anh: Bachelor of Economic Law
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Luật kinh tế của trường Đại học Kinh tế và QTKD có thể đảm nhiệm được các vị trí việc làm thuộc các nhóm công việc sau: <i>Nhóm 1. Thực hiện pháp luật</i> Tham gia thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý tại các cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan hành chính nhà nước; các cơ quan tư pháp như Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án.

ĐẠI
HỌC
KINH
TẾ
VÀ
QUẢN
TRỊ
KINH
DOANH

TT	Tiêu đề	Nội dung
		<p><i>Nhóm 2. Tư vấn pháp luật và cung cấp các dịch vụ pháp lý</i> Trợ lý luật sư, chuyên viên hành chính, chuyên viên tư vấn pháp luật và cung cấp các dịch vụ pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng trong các lĩnh vực pháp luật tại các công ty luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, trung tâm trọng tài thương mại, văn phòng thừa phát lại, trung tâm hòa giải, tổ chức đấu giá.</p> <p><i>Nhóm 3. Chuyên viên pháp lý, hành chính, nhân sự</i> Chuyên viên pháp lý, hành chính, nhân sự tại doanh nghiệp và các tổ chức xã hội khác.</p> <p><i>Nhóm 4. Giảng dạy, nghiên cứu pháp luật</i> Tham gia giảng dạy các môn ngành luật tại các cơ sở đào tạo luật nói riêng và tại các cơ sở đào tạo nói chung; tham gia nghiên cứu khoa học với tư cách là nghiên cứu viên tại các cơ sở đào tạo đại học, các viện nghiên cứu và các cơ sở nghiên cứu pháp luật khác.</p>
16	Khả năng nâng cao trình độ	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc các chuyên ngành luật, chuyên ngành khác ở các cơ sở đào tạo theo quy định; - Tham gia khóa đào tạo nghề luật sư, công chứng, thừa phát lại, đấu giá...; khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm sát, nghiệp vụ xét xử, bồi dưỡng nghiệp vụ Tòa án, nghiệp vụ Thư ký.
17	Chương trình đào tạo đối sánh	- Trong nước: CTĐT Luật Kinh tế của trường Đại học Luật Hà Nội; CTĐT Luật Kinh tế của trường Đại học Thương mại.
18	Thông tin kiểm định CTĐT	
19	Thời điểm cập nhật Bản CTĐT	Tháng 03/2024

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Luật Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức pháp luật nói chung và kiến thức chuyên sâu trong

lĩnh vực pháp luật kinh tế; có kiến thức thực tiễn pháp lý; có khả năng vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để xử lý những vấn đề pháp lý cơ bản đặt ra trong thực tiễn kinh doanh tại các doanh nghiệp cũng như trong hoạt động quản lý nhà nước, có thể trở thành người hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Trang bị cho cử nhân Luật Kinh tế có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội để tiếp nhận kiến thức pháp luật; có khả năng vận dụng những kiến thức pháp luật cơ bản, kiến thức pháp luật chuyên ngành và kiến thức thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn, hành nghề.

PO2. Đào tạo cử nhân Luật Kinh tế có các kỹ năng cơ bản, kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật; có khả năng sử dụng tin học, ngoại ngữ phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc; xây dựng được ý tưởng khởi nghiệp cho bản thân.

PO3. Hình thành cho người học ý thức tổ chức kỷ luật tốt, ý thức pháp luật và ý thức trách nhiệm công dân; có sức khỏe; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có thái độ làm việc chuyên nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm dưới cường độ cao; có khả năng thích nghi và chịu được áp lực trong công việc; có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu của công việc.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
<i>PLO1</i>	<i>Giải thích các nội dung cơ bản về lý luận chính trị, khoa học xã hội cho công việc chuyên môn</i>	2
<i>PLO2</i>	<i>Vận dụng các kiến thức nền tảng trong lĩnh vực kinh tế, quản trị, quản lý để giải quyết các vấn đề cơ bản của lĩnh vực pháp luật kinh tế</i>	3
<i>PLO3</i>	<i>Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản vào giải quyết các công việc của lĩnh vực pháp luật kinh tế</i>	3
<i>PLO4</i>	<i>Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự và tổ tụng dân sự để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn và làm cơ sở để tiếp nhận các kiến thức pháp luật chuyên ngành</i>	3
PI 4.1	Sử dụng các kiến thức trong lĩnh vực hiến pháp, hành chính, hình sự để giải thích về thể chế chính trị, bộ máy nhà nước và áp dụng vào hoạt động quản lý nhà nước bằng công cụ pháp luật	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI 4.2	Vận dụng các kiến thức về dân sự và tố tụng dân sự để tư vấn và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn	3
PLO5	<i>Áp dụng các kiến thức pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực pháp luật kinh tế để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn và các vấn đề liên quan của nghề luật</i>	3
PI 5.1	Vận dụng các kiến thức pháp luật chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực thương mại, lao động, đất đai, tài chính, ngân hàng, đầu tư, cạnh tranh, chứng khoán, bất động sản, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ, công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế, thương mại quốc tế	3
PI 5.2	Áp dụng được kiến thức pháp luật vào công việc thực tế thông qua thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp để hòa nhập nhanh với môi trường làm việc sau khi ra trường và có định hướng cho nghề nghiệp	3
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO6	<i>Thành thạo các kỹ năng cơ bản để phục vụ công việc</i>	3
PI 6.1	Thể hiện khả năng giao tiếp, thuyết trình và thuyết phục tốt	3
PI 6.2	Sử dụng ngoại ngữ để thể hiện quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn	3
PLO7	<i>Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các công việc chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp luật</i>	3
PI 7.1	Lựa chọn, tổng hợp các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc chuyên môn cần giải quyết	3
PI 7.2	Xây dựng hướng tư vấn giải quyết các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật	3
PI 7.3	Xây dựng lập luận pháp lý, phân biện và bảo vệ được quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật	3
PI 7.4	Thành thạo soạn thảo văn bản phục vụ cho các công việc thuộc các lĩnh vực liên quan	3
PLO8	<i>Xây dựng được ý tưởng khởi nghiệp cho bản thân</i>	3
	Chuẩn đầu ra về Mức tự chủ và trách nhiệm	
PLO9	<i>Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, quy định của cơ quan đơn vị; sẵn sàng tham gia học tập suốt đời</i>	3
PI 9.1	Tuân thủ pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của người làm công tác pháp luật	3
PI 9.2	Hình thành ý thức tự giác học tập, nghiên cứu và rèn luyện sức khoẻ	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PL10	<i>Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ và bảo vệ quan điểm; có ý thức trách nhiệm cao trong công việc, chịu được áp lực công việc, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc thay đổi</i>	3
PI 10.1	Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ và bảo vệ quan điểm	3
PI 10.2	Ý thức trách nhiệm cao trong công việc, linh hoạt với điều kiện làm việc thay đổi và khối lượng công việc lớn	3
PI 10.3	Làm việc độc lập, làm việc nhóm dưới cường độ cao, chịu được áp lực trong công việc	3

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO/PI)	HP trải nghiệm
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		26		
1	Triết học Mác - Lênin	MLP132	3	PLO1; PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI 10.3)	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	2	PLO1; PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI 10.3)	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	2	PLO1; PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI 10.3)	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	2	PLO1; PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI 10.3)	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	VCP121	2	PLO1; PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI 10.3)	
6	Tin học ứng dụng	AIN131	3	PLO3; PLO7 (PI7.4); PLO10 (PI 10.3)	
7	Tiếng Anh 1	ENG121	2	PLO6 (PI6.1, PI6.2); PLO10 (PI 10.3)	
8	Tiếng Anh 2	ENG122	2	PLO6 (PI6.1, PI6.2); PLO10 (PI 10.3)	
9	Tiếng Anh 3	ENG133	3	PLO6 (PI6.1, PI6.2); PLO10 (PI 10.3)	
10	Tiếng Anh 4	ENG134	3	PLO6 (PI6.1, PI6.2); PLO10 (PI 10.3)	
11	Nguyên lý khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	PEI121	2	PLO8; PLO10 (PI 10.1, PI 10.2, PI 10.3)	
12	Giáo dục thể chất 1	PHE011	30 tiết	PLO9 (PI9.2)	
13	Giáo dục thể chất 2	PHE012	30 tiết	PLO9 (PI9.2)	
14	Giáo dục thể chất 3	PHE013	30 tiết	PLO9 (PI9.2)	
15	Giáo dục quốc phòng		5 tuần	PLO1; PLO9 (PI9.2)	
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		101		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		38		
	<i>Bắt buộc</i>		29		
16	Kinh tế học đại cương	GEC231	3	PLO2; PLO9 (PI9.2); PLO10 (PI 10.3)	
17	Xây dựng văn bản pháp luật	BLD221	2	PLO3; PLO4 (PI4.1); PLO7 (PI7.4); PLO9 (PI9.1)	
18	Lý luận chung nhà nước và pháp luật	GTL231	3	PLO4 (PI4.1); PLO7 (PI7.1); PLO9 (PI9.1)	
19	Luật Hiến pháp Việt Nam	VCL231	3	PLO4 (PI4.1); PLO7 (PI7.1); PLO9 (PI9.1)	
20	Luật Hành chính Việt Nam	ALV231	3	PLO4 (PI4.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1)	
21	Luật Dân sự Việt Nam 1	VCC231	3	PLO4 (PI4.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
22	Luật Dân sự Việt Nam 2	VCC232	3	PLO4 (PI4.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
23	Luật Hình sự Việt Nam - Phần chung	CRG231	3	PLO4 (PI4.1), PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
24	Luật Hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm	CRC231	3	PLO4 (PI4.1), PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	X
25	Luật Tố tụng dân sự	CPL231	3	PLO4 (PI4.2), PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	X
	<i>Tự chọn (Sinh viên chọn 03 trong số 09 HP tự chọn)</i>		9		

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO/PI)	HP trải nghiệm
26	Quản lý nhà nước về kinh tế	SME331	3	PLO2; PLO6 (6.1); PLO9 (PI9.2)	
27	Quản trị học	MAN231	3	PLO2; PLO6 (6.1); PLO9 (PI9.2)	
28	Nguyên lý kế toán	ACT231	3	PLO2; PLO9 (PI9.2); PLO10 (PI 10.3)	
29	Tài chính tiền tệ	FAM231	3	PLO2; PLO9 (PI9.2); PLO10 (PI 10.3)	
30	Quản trị nhân lực	HRM331	3	PLO2; PLO6 (6.1); PLO9 (PI9.2)	
31	Luật Tố tụng hình sự	CRL331	3	PLO4 (PI4.1), PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
32	Luật Tố tụng hành chính	ADL231	3	PLO4 (PI4.1), PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
33	Lịch sử nhà nước và pháp luật	HSV231	3	PLO4 (PI4.1); PLO7 (PI7.1); PLO9 (PI9.2)	
34	Luật So sánh	COL331	3	PLO4 (PI4.1); PLO7 (PI7.3); PLO9 (PI9.2)	
2.2	Kiến thức ngành		27		
	<i>Bắt buộc</i>		<i>15</i>		
35	Luật Thương mại 1	COL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
36	Luật Thương mại 2	COL332	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
37	Luật Lao động	LAL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	X
38	Luật Tài chính	FLA331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
39	Luật Đất đai	LAA331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	X
	<i>Tự chọn (Sinh viên chọn 04 trong số 08 học phần tự chọn)</i>		<i>12</i>		
40	Luật Môi trường	EVL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
41	Công pháp quốc tế	INL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
42	Tư pháp quốc tế	PIL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
43	Luật Hôn nhân và gia đình	MFL331	3	PLO4 (PI4.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
44	Pháp luật về công chứng, chứng thực	LNA331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2); PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.4); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
45	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	LPC331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
46	Luật Thương mại quốc tế	ITL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
47	Pháp luật về quyền con người	LHR331	3	PLO4 (PI4.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
2.3	Kiến thức chuyên ngành		24		
	<i>Bắt buộc</i>		<i>12</i>		
48	Luật Ngân hàng	BLA331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
49	Luật Đầu tư	IVL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
50	Luật Cạnh tranh	CLA331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO/PI)	HP trải nghiệm
51	Kỹ năng tư vấn pháp luật	LCS331	3	PLO4 (PI4.2); PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2; PI7.3; PI7.4); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	X
	<i>Tự chọn (Sinh viên chọn 4 trong số 08 học phần tự chọn)</i>		12		
52	Pháp luật an sinh xã hội	SSL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
53	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	IPL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
54	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	LRB331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
55	Pháp luật về thị trường chứng khoán	LSM331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
56	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	LIB331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
57	Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	ISL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
58	Kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp	LSE331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2; PI7.3; PI7.4); PLO8; PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
59	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	LCL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2; PI7.3; PI7.4); PLO8; PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
2.4	<i>Thực tập môn học CTĐT Luật Kinh tế</i>	<i>ECL421</i>	2	PLO3; PLO4 (PI4.1, PI4.2); PLO5 (PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.4); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1, PI 10.3)	
2.5	<i>Thực tập tốt nghiệp CTĐT Luật Kinh tế</i>	<i>ECL441</i>	4	PLO3; PLO4 (PI4.1, PI4.2); PLO5 (PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.4); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1, PI 10.2, PI 10.3)	
2.6	<i>KLTN/Tự chọn thay thế KLTN CTĐT Luật Kinh tế</i>	<i>ECL904</i>	6	PLO3; PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO7 (PI7.1, PI7.4); PLO9 (PI9.2); PLO10 (PI 10.1)	
	<i>Tự chọn thay thế khóa luận (sinh viên chọn 02 trong số 04 học phần)</i>				
60	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại	SND331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.4); PLO8; PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
61	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại và lao động	SRL331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2; PI7.3; PI7.4); PLO8; PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
62	Pháp luật về đấu thầu và nhượng quyền thương mại	LBF331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
63	Pháp luật về phòng vệ thương mại	LTR331	3	PLO5 (PI5.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI 10.1)	
	Tổng số tín chỉ		127		

V. Kế hoạch đào tạo

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
I	Học kì I			16			
1	Triết học Mác - Lênin	MLP132	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tiếng Anh 1	ENG121	Bắt buộc	2	24	12	
3	Kinh tế học đại cương	GEC231	Bắt buộc	3	36	18	
4	Lý luận chung Nhà nước và Pháp luật	GTL231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Nguyên lý khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	PEI121	Bắt buộc	2	24	12	
6	Tin học ứng dụng	AIN131	Bắt buộc	3	36	18	
7	Giáo dục thể chất I	PHE011	Bắt buộc	x			
II	Học kì II			15			
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tiếng Anh 2	ENG122	Bắt buộc	2	24	12	
3	Luật Hiến pháp Việt Nam	VCL231	Bắt buộc	3	36	18	
4	Luật Hình sự Việt Nam – Phần chung	CRG231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Luật Dân sự Việt Nam 1	VCC231	Bắt buộc	3	36	18	
6	Xây dựng văn bản pháp luật	BLD121	Bắt buộc	2	24	12	
7	Giáo dục thể chất II	PHE012	Bắt buộc	x			
III	Học kì III			17			
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tiếng Anh 3	ENG133	Bắt buộc	3	36	18	
3	Luật Hành chính Việt Nam	ALV231	Bắt buộc	3	36	18	
4	Luật Dân sự Việt Nam 2	VCC232	Bắt buộc	3	36	18	
5	Luật Hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm	CRC231	Bắt buộc	3	36	18	X
6	Giáo dục thể chất III	PHE013	Bắt buộc	x			
7	Giáo dục quốc phòng		Bắt buộc	x	36	18	
8	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
IV	Học kì IV			18			
1	Luật Tài chính	FLA331	Bắt buộc	3	36	18	
2	Luật Thương mại 1	COL331	Bắt buộc	3	36	18	
3	Luật Lao động	COL332	Bắt buộc	3	36	18	X
4	Luật Đất đai	LAA331	Bắt buộc	3	36	18	X
5	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
V	Học kì V			18			
1	Luật Thương mại 2	COL332	Bắt buộc	3	36	18	
2	Luật Tố tụng dân sự	CPL231	Bắt buộc	3	36	18	X
3	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
4	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
VI	Học kì VI			16			
1	Tiếng Anh 4	ENG134	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	Bắt buộc	2	24	12	
3	Luật Ngân hàng	BLA331	Bắt buộc	3	36	18	
4	Luật Đầu tư	IVL331	Bắt buộc	3	36	18	
5	Luật Cạnh tranh	CLA331	Bắt buộc	3	36	18	
6	Thực tập môn học CTĐT Luật Kinh tế	ECL421	Bắt buộc	2	24	12	
VII	Học kì VII			17			
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	VCP121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Kỹ năng tư vấn pháp luật	LCS331	Bắt buộc	3	36	18	X
3	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
4	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
VIII	Học kì VIII			10			
1	Thực tập tốt nghiệp CTĐT Luật Kinh tế	ECL441	Bắt buộc	4			
2	KLTN/Tự chọn thay thế KLTN CTĐT Luật Kinh tế	ECL904	Bắt buộc	6			
	HP thay thế khóa luận		Tự chọn	3	36	18	
	HP thay thế khóa luận		Tự chọn	3	36	18	
	Tổng số tín chỉ			127			